

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0672014 - Cơ lý thuyết 1

STC : 2(30,0,0,0,0,0)

Lần thi : 2

Lớp :

Năm học : 2012-2013

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Đàm Quang	Huy	3671030042	25/08/1992	,00	,00	,00	
2	Phan Bá	Cầu	3671030067	23/12/1994	,00	,00	,00	
3	Đỗ Trọng	Nguyên	3671030069	04/03/1994	3,00	,00	,90	
4	Văn Công Tuấn	Anh	3671030072	07/05/1993	7,00	,00	2,10	
5	Trần Phạm Thanh	Tài	3671030098	16/10/1994	3,00	2,00	2,30	
6	Võ Hoàng	Nam	3671030099	26/08/1994	6,00	7,00	6,70	
7	Dương Trung	Quốc	3671030102	01/01/1994	3,00	2,50	2,70	
8	Lý Thế	Diễn	3671030111	25/08/1994	6,00	3,50	4,30	
9	Nguyễn Bảo	Quốc	3671030138	17/10/1994	4,00	10,00	8,20	
10	Nguyễn Nhật	Nam	3671030154	20/11/1994	7,00	,00	2,10	
11	Lê Quang	Huy	3671030157	16/07/1994	4,00	,00	1,20	
12	Lê Xuân	Thông	3671030163	01/01/1994	5,00	2,50	3,30	
13	Ngô Đình	Hưng	3671030175	02/01/1992	7,00	10,00	9,10	
14	Lương Hoàng	Lộc	3671030188	20/07/1994	5,00	,00	1,50	
15	Huỳnh Bạch Duy	Phát	3671030191	06/05/1994	4,00	9,00	7,50	
16	Trần Huy	Bảo	3671030209	12/03/1993	6,00	,50	2,20	
17	Hồ Võ Quốc	Bảo	3671030215	20/09/1994	6,00	4,00	4,60	
18	Nguyễn Thanh	Tĩnh	3671030219	14/09/1991	7,00	4,50	5,30	
19	Nguyễn Danh	Tài	3671030222	06/06/1994	6,00	6,00	6,00	
20	Nguyễn Hữu	Phiến	3671030225	24/07/1994	2,00	,00	,60	
21	Bùi Phan Tín	Đông	3671030227	24/08/1994	6,00	5,00	5,30	
22	Phạm Chí	Hướng	3671030229	10/12/1994	7,00	4,50	5,30	
23	Nguyễn Thế	Chiến	3671030243	28/02/1993	4,00	,00	1,20	
24	Lê Minh	Nhật	3671030263	22/08/1994	4,00	,00	1,20	
25	Nguyễn	Hoàng	3671030268	24/06/1994	7,00	,00	2,10	
26	Huỳnh Đông	Khoa	3671030279	10/02/1993	5,00	2,50	3,30	
27	Nguyễn Thị	Nết	3671030286	11/10/1994	5,00	7,00	6,40	
28	Phạm Hà Việt	Anh	3671030295	17/11/1993	3,00	,00	,90	
29	Lý Văn	Đức	3671030297	17/09/1991	5,00	5,50	5,40	
30	Lê Nhựt	Thanh	3671030298	03/09/1994	4,00	4,00	4,00	
31	Trương Hoài	Trưởng	3671030301	09/08/1994	5,00	1,50	2,60	
32	Phạm Trọng	Hậu	3671030306	08/09/1994	4,00	6,00	5,40	
33	Lê Hồng	Thịnh	3671030309	22/09/1994	7,00	3,50	4,60	
34	Dương Ngọc	Thịnh	3671030313	02/03/1994	7,00	1,50	3,20	
35	Dương Thế	Huỳnh	3671030324	08/12/1994	4,00	,00	1,20	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Trà Quốc	Bảo	3671030327	04/07/1994	4,00	6,00	5,40	
37	Nguyễn Huỳnh	Đoàn	3671030330	06/10/1994	6,00	3,00	3,90	
38	Nguyễn Thành	Đồng	3671030337	21/09/1994	,00	,00	,00	
39	Nguyễn Thái Anh	Tuấn	3671030349	02/04/1993	5,00	,00	1,50	
40	Trần Nghĩa	Thảo	3671030352	14/10/1993	4,00	5,50	5,10	
41	Hồ Tuấn	Anh	3671030355	26/09/1993	3,00	,00	,90	
42	Nguyễn Anh	Việt	3671030356	10/08/1991	5,00	,00	1,50	
43	Huỳnh Trí	Tài	3671030361	22/03/1994	,00	,00	,00	
44	Trần Huy	Hoàng	3671030376	14/08/1994	4,00	1,00	1,90	
45	Võ Hoàng Anh	Thư	3671030378	04/02/1994	,00	7,00	4,90	
46	Mai Văn	Vũ	3671030379	10/05/1993	,00	,00	,00	
47	Trương Quang	Lưu	3671030381	28/03/1994	3,00	7,00	5,80	
48	Ngô Minh	Nhân	3671030385	24/08/1994	4,00	7,00	6,10	
49	Nguyễn Duy	Châu	3671030398	24/06/1993	,00	,00	,00	
50	Lưu Thanh	Tài	3671030399	07/03/1994	5,00	,00	1,50	
51	Trịnh Nam	Hiệp	3671030404	28/07/1993	5,00	,00	1,50	
52	Nguyễn Phúc	Hậu	3671030409	14/10/1994	6,00	9,00	8,10	
53	Vũ Ngọc	Lâm	3671030416	10/07/1993	,00	,00	,00	
54	Nguyễn Đắc	Lưu	3671030417	03/01/1994	7,00	8,00	7,70	
55	Trần Công	Lịch	3671030440	17/07/1994	8,00	4,00	5,20	
56	Lưu Thanh	Hữu	3671030444	10/08/1994	5,00	8,00	7,10	
57	Lâm Minh	Đương	3671030446	18/06/1994	7,00	4,00	4,90	
58	Phạm Văn	Linh	3671030449	12/09/1994	4,00	5,00	4,70	
59	Trần Công	Vinh	3671030458	10/03/1994	5,00	,00	1,50	
60	Võ Văn	Cương	3671030472	30/03/1994	4,00	,00	1,20	
61	Võ Văn	Vương	3671030478	15/12/1994	5,00	6,50	6,10	
62	Nguyễn Hoài	Sơn	3671030485	18/01/1994	4,00	,00	1,20	
63	Trần Minh	Bảo	3671030488	03/10/1994	7,00	,00	2,10	
64	Phan Quang	Khoa	3671030496	07/06/1992	3,00	2,00	2,30	
65	Đoàn Minh	Khoa	3671030497	05/12/1994	3,00	2,00	2,30	
66	Phan Nhật	Huy	3671030507	09/02/1994	6,00	7,00	6,70	
67	Lê Văn	Trãi	3671030510	23/12/1994	4,00	4,00	4,00	
68	Võ Thanh	Toàn	3671030516	28/11/1994	,00	,00	,00	
69	Võ Trọng	Hữu	3671030519	03/01/1994	5,00	4,50	4,70	
70	Lâm Văn	Huy	3671031611	25/06/1994	5,00	3,50	4,00	
71	Ngô Viết	Lâm	3671031630	15/02/1990	,00	,00	,00	
72	Châu Quang	Đại	3671031851	15/03/1994	9,00	,00	2,70	
73	Nguyễn Duy Huy	Hoàng	3671031860	10/04/1994	2,00	,00	,60	
74	Võ Chấn	Khang	3671031909	14/07/1994	4,00	2,00	2,60	
75	Bùi Hòa	Bình	3671031943	08/09/1994	7,00	,00	2,10	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
76	Nguyễn Văn	Trọng	3671031974	11/12/1993	,00	,00	,00	
77	Biện Văn	Chính	3671031979	10/12/1994	5,00	5,00	5,00	
78	Huỳnh Quốc	Đạt	3671032025	21/11/1994	4,00	6,50	5,80	
79	Nguyễn Thành	Dôn	3671032034	20/05/1994	,00	,00	,00	
80	Nguyễn Hồ Vũ	Cường	3671050415	05/12/1993	,00	,00	,00	

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 05 năm 2013

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)